ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BC -UBND	*Đắk Glong, ngày tháng năm 2024*

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2024; bổ sung vốn, danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản; dự toán chi thường xuyên và điều chỉnh dự toán NSNN 6 tháng cuối năm 2024 và dự kiến dự toán NSNN năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Đắk Glong

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2024

Năm 2024 là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đắk Glong nhiệm kỳ 2020-2025, nhiệm vụ tài chính - NSNN được triển khai trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm; lạm phát ở mức cao; các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiền ẩn nhiều rủi ro; xuất nhập khẩu bị thu hẹp. Kinh tế trong tỉnh và trong huyện bị ảnh hưởng rõ rệt, sức mua của thị trường sụt giảm,... ảnh hưởng lớn đến thực hiện nhiệm vụ tài chính – NSNN.

Thực hiện Nghị quyết của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân huyện, cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên của Ủy ban nhân dân huyện; sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của các cấp, các ngành, địa phương; sự nỗ lực vươn lên của cộng đồng doanh nghiệp, hộ kinh doanh và sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân nên tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2024 ở một số chỉ tiêu đạt kết quả quan trọng, góp phần từng bước phục hồi và phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, các chính sách an sinh xã hội được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Theo quy định của Luật NSNN, Uỷ ban nhân dân huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện về tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2024 và dự kiến dự toán NSNN năm 2025 như sau:

I. Về thu ngân sách nhà nước

1. Về thu ngân sách Nhà nước (như bảng phụ lục số 01 chi tiết đính kèm).

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2024 ước thực hiện được: 219.142 triệu đồng/200.100 triệu đồng, đạt 109,52 % so với dự toán giao. Trong đó phần thuế do UBND huyện quản lý, tổ chức thu trong năm ước thực hiện: 71.748 triệu đồng/70.175 triệu đồng đạt 102,24% dự toán giao, bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý ước thực hiện được: 116.600 triệu đồng/103.960 triệu đồng, đạt 112,16% so với dự toán giao.

Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý được: 729 triệu đồng/1.050 triệu đồng, đạt 69,45% so với dự toán giao.

Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh được: 38.707 triệu đồng/28.330 triệu đồng, đạt 136,63% so với dự toán giao.

Thuế thu nhập cá nhân được: 14.293 triệu đồng/14.060 triệu đồng, đạt 101,66 % so với dự toán giao.

Lệ phí trước bạ được: 13.188 triệu đồng/12.200 triệu đồng, đạt 108,1% so với dự toán giao.

Thu phí, lệ phí được: 3.075 triệu đồng/2.930 triệu đồng, đạt 104,94% so với dự toán giao.

Thu tiền sử dụng đất được: 11.500 triệu đồng/17.000 triệu đồng, đạt 67,65% so với dự toán giao.

Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được: 15.160 triệu đồng/15.160 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao.

Thu khác ngân sách được: 4.700 triệu đồng/4.700 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao.

2. Đánh giá về công tác thu ngân sách Nhà nước năm 2024

Công tác thu NSNN năm 2024 triển khai trong bối cảnh vừa chịu ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát, vừa chịu ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu nên hầu hết các ngành, lĩnh vực bị suy giảm tăng trưởng, một số hoạt động sản xuất kinh doanh thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh, đời sống của một số người lao động gặp khó khăn. Trong bối cảnh đó, với sự chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh Đắk Nông, của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý thu ngân sách; tăng cường kiểm soát chặt chẽ nguồn thu, chống thất thu gắn với đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế; đẩy mạnh việc hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế, tăng cường quản lý, hạn chế nợ đọng thuế, góp phần tạo môi trường sản xuất kinh doanh bình đẳng và khai thác tăng thêm nguồn thu cho ngân sách nhà nước như:

Thực hiện tuyên truyền các chính sách đa dạng các hình thức như trên trang tin điện tử của ngành thuế, YouTube của Của Cục Thuế, Zalo của Chi cục Thuế khu vực, trả lời bằng điện thoại, email, tổ chức hội nghị trực tuyến hỗ trợ, trả lời chính sách cho người nộp thuế (NNT) nhằm hỗ trợ, giải đáp các vướng mắc về chính sách Thuế, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tiếp cận các kênh thông tin hỗ trợ của cơ quan thuế, giúp người nộp thuế nhanh chóng tiếp cận, nắm được các chính sách thuế mới, các chính sách thuế

hiện hành, tuyên truyền, hướng dẫn NNT sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, hướng dẫn hộ, cá nhân kinh doanh cài đặt etax Mobile, đề nghị tuyên dương kịp thời đối với các tổ chức, cá nhân có ý thức chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách nhà nước (NSNN). Thông báo công khai các tổ chức, cá nhân nợ thuế trên phương tiện truyền thông.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế đảm bảo người nộp thuế nộp tờ khai thuế đúng thời hạn, phát hiện các trường hợp kê khai không đúng, không đủ số thuế phải nộp để có các biện pháp chấn chỉnh, xử phạt nhằm nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của NNT.

Chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp với UBND các xã tăng cường triển khai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, kiểm tra, rà soát đối với lĩnh vực kinh doanh vận tải, khai thác tài nguyên, XDCB vãng lai, XDCB tư nhân, cá nhân cho thuê tài sản và những hộ kinh doanh phát sinh để quản lý, thu thuế, phí kịp thời theo quy định.

Thực hiện kiểm tra trước và sau hoàn thuế theo quy định của pháp luật, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm đối với các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế, chiếm đoạt tiền thuế từ ngân sách nhà nước. Thực hiện rà soát các dự án hết thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế; các giấy phép cấp quyền khai thác khoáng sản để triển khai thu đúng, thu đủ và kịp thời vào NSNN. Rà soát, xác định cụ thể các đối tượng đang được nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn, nhất là các dự án hết thời gian được hưởng ưu đãi hoặc những trường hợp không thực hiện dự án…

Tăng cường kiểm tra, rà soát, xác định số thuế nợ đọng của từng đối tượng nợ thuế, phân loại theo tình trạng nợ thuế, nguyên nhân nợ, đôn đốc và có biện pháp cưỡng chế nợ thuế và tổ chức cưỡng chế thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Triển khai công tác thu nợ, thực hiện áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế do đó số nợ giảm so với đầu năm và cùng kỳ năm 2023.

Tổng số tiền thuế trên địa bàn huyện Đăk Glong ước tính đến thời điểm 31/12/2024 là 8.237 triệu đồng, giảm 2.641 triệu đồng, tương ứng giảm 24,3% so với số tiền nợ thuế thời điểm 31/12/2023 (tổng nợ 31/12/2023 là 10.878 triệu đồng), trong đó: Tiền thuế nợ đến 90 ngày và trên 90 ngày là 7.734 triệu đồng, tiền thuế nợ không có khả năng thu là 504 triệu đồng.

Trên cơ sở triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý thu ngân sách; kiểm soát chặt chẽ nguồn thu, tăng cường công tác đôn đốc thu nợ và phát sinh, tăng cường chống thất thu gắn với đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, đẩy mạnh việc hướng dẫn, hỗ trợ NNT, tăng cường quản lý,

hạn chế nợ đọng thuế.., kết quả thực hiện công tác thu NSNN năm 2024 đạt trên 100% so với dự toán giao.

II. Về thực hiện chi ngân sách huyện năm 2024 (như bảng phụ lục số 02 chi tiết đính kèm).

Tổng chi ngân sách huyện quản lý: Ước thực hiện: 854.477/1.169.829 triệu đồng, đạt 73,04% so với dự toán giao. *Trong đó:*

1. Chi đầu tư phát triển:

1.1. Tổng số vốn đầu tư phát triển trên địa bàn huyện năm 2024 là **479.560 triệu đồng**, trong đó: Kế hoạch vốn năm 2024 là 295.534 triệu đồng; Kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024 sử dụng tiếp là 184.026 triệu đồng, cụ thể:

- Nguồn ngân sách Trung ương là: 64.000 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh là: 20.149 triệu đồng.
- Ngân sách phân cấp huyện quản lý là: 395.411 triệu đồng *(Kế hoạch vốn năm 2024 là 211.385 triệu đồng; Kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024 sử dụng tiếp là 184.026 triệu đồng)*

1.2. Kết quả giải ngân đến ngày 27/11/2024

Tổng số vốn đầu tư phát triển trên địa bàn huyện năm 2024 là **479.560** triệu đồng, giải ngân đến 27/11/2024 được **179.914** triệu đồng, đạt 37,52% kế hoạch vốn giao, trong đó: Kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024 thực hiện tiếp là 184.026 triệu đồng, đã giải ngân được 43.510 triệu đồng; kế hoạch vốn năm 2024 là 295.534 triệu đồng, đã giải ngân được 136.403 triệu đồng, cụ thể như sau:

a) Ngân sách tỉnh quản lý: Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 84.149 triệu đồng, giải ngân được 43.623 triệu đồng, đạt 51,85% kế hoạch vốn giao, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 64.000 triệu đồng, giải ngân là 28.334 triệu đồng, đạt 44,27% kế hoạch vốn giao.
- Ngân sách tỉnh: Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 20.149 triệu đồng, giải ngân là 15.633 triệu đồng, đã đạt 77,59% kế hoạch vốn giao.

b) Ngân sách phân cấp huyện quản lý: Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 395.411 triệu đồng, giải ngân được 135.945 triệu đồng, đạt 34,38% kế hoạch vốn giao, trong đó:

- Kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024 thực hiện tiếp là 184.026 triệu đồng, đã giải ngân được 43.510 triệu đồng, mới đạt 29,08% kế hoạch.
- Kế hoạch vốn năm 2024 là 211.385 triệu đồng, đã giải ngân được 92.434 triệu đồng, đạt 43,72% kế hoạch.

2. Chi thường xuyên: Ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 được: 522.229 triệu đồng/477.500 triệu đồng, đạt 109,37% so với dự toán giao, cụ thể là:

- Chi quốc phòng thực hiện: 1.638 triệu đồng/900 triệu đồng, đạt 181,97% so với dự toán giao.

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội thực hiện: 3.049 triệu đồng/600 triệu đồng, đạt 508,31% so với dự toán giao.

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề thực hiện: 328.669 triệu đồng/301.669 triệu đồng, đạt 108,95% so với dự toán giao.

- Chi y tế, dân số và gia đình thực hiện: 79.567 triệu đồng/70.896 triệu đồng, đạt 112,23% so với dự toán giao.

- Chi văn hóa thông tin thực hiện: 1.349 triệu đồng/1.349 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao.

- Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn thực hiện: 1.863 triệu đồng/1.863 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao.

- Chi thể dục thể thao thực hiện: 499 triệu đồng/429 triệu đồng, đạt 116,3% so với dự toán giao.

- Chi bảo vệ môi trường thực hiện: 5.200 triệu đồng/5.200 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao.

- Chi các hoạt động kinh tế thực hiện: 28.323 triệu đồng/28.323 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao.

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, đảng, đoàn thể thực hiện: 42.571 triệu đồng/36.771 triệu đồng, đạt 115,77% so với dự toán giao.

- Chi bảo đảm xã hội thực hiện: 25.322 triệu đồng/25.322 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao.

- Chi thường xuyên khác thực hiện: 3.877 triệu đồng/3.877 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao.

3. Chi Ngân sách xã: Ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 được: 58.430 triệu đồng/51.765 triệu đồng, đạt 112,88% so với dự toán giao.

4. Chi vốn sự nghiệp 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024

Kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn huyện năm 2024 là 169.846 triệu đồng (bao gồm cả năm 2022, 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 (năm 2022, 2023 chuyển sang là 105.262 triệu đồng; năm 2024 là 64.584 triệu đồng), đến thời điểm 30/11/2024 giải ngân được 18.046 triệu đồng, đạt 10,63 % kế hoạch vốn giao, cụ thể như sau:

- CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Kế hoạch vốn sự nghiệp giao là: 90.094 triệu đồng, luỹ kế giải ngân được 8.353 triệu đồng, đạt 9,27% kế hoạch vốn.

- CTMTQG giảm nghèo bền vững: Kế hoạch vốn giao là: 77.346 triệu đồng, luỹ kế giải ngân được 8.989 triệu đồng, đạt 8,6% kế hoạch vốn.

- CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Kế hoạch vốn giao là: 4.408 triệu đồng, luỹ kế giải ngân được 705 triệu đồng, đạt 0,16% kế hoạch vốn.

5. Tình hình chi dự phòng ngân sách năm 2024

Từ đầu năm đến tháng 11 năm 2024 huyện đã sử dụng: 6.857,672 triệu đồng trong nguồn dự phòng Ngân sách phục vụ cho nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; Kinh phí triển khai đợt tổng vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường trước Tết Nguyên đán năm 2024; Kinh phí hoạt động Chốt liên ngành quản lý bảo vệ rừng; Hỗ trợ kinh phí Tổ chức Hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với lực lượng dân phòng, các "Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy" cấp huyện và tham gia cấp tỉnh năm 2024; Kinh phí cho vay vốn hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác năm 2024; Kinh phí tổ chức Đại hội thi đua quyết thắng lực lượng vũ trang huyện giai đoạn 2019-2024; kinh phí tham gia hội thi (Chiến sỹ sao Vuông làm theo lời Bác); kinh phí chi Hội thao dân quân cấp tỉnh năm 2024; kinh phí chi quân số tham gia trực lễ giỗ tổ Hùng Vương, 30/4, 01/5 và chiến thắng Điện Biên phủ; kinh phí khen thưởng theo Nghị định số 21/2019/NĐ-CP; Kinh phí phục vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn huyện Đắk Glong; Kinh phí phụ hóa chất diệt muỗi phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2024; Kinh phí tiêm phòng vắc xin dại chó, mèo và phí xét nghiệm mẫu bệnh phẩm năm 2024; Kinh phí tiêm phòng vắc xin lở mồm long móng trên trâu, bò năm 2024; Kinh phí tiêm phòng vắc xin viêm da nổi cục trên trâu, bò năm 2024; Hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tổ chức Lễ ra mắt lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở năm 2024; Kinh phí phục vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn huyện Đắk Glong; Hỗ trợ kinh phí thanh toán chế độ cho quân số tham gia trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Hội nghị Trung ương 9, khóa XIII và Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV năm 2024; Hỗ trợ kinh phí phụ hóa chất diệt muỗi phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2024; Kinh phi hoạt động của đoàn kiểm tra, thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng năm 2024; Hỗ trợ kinh phí hoạt động Chốt liên ngành quản lý bảo vệ rừng; Kinh phí tổ chức Hội nghị truyền thông phòng, chống mua bán người trên địa bàn huyện Đắk Glong; Kinh phí cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với diện tích 35,41ha xã Quảng Sơn đợt 2 năm 2024; Kinh phí khám tuyển nghĩa vụ quân sự và thực hiện nghĩa vụ Công an nhân dân năm 2025; Kinh phí thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính; Kinh phí

hoạt động của Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước, Bộ phận An toàn, An ninh mạng huyện năm 2024 và bố trí kinh phí đối ứng thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia. *(Chi tiết số chi dự phòng 06 tháng cuối năm 2024 theo phụ lục số 03 đính kèm).*

Chi ngân sách nhà nước năm 2024 được tổ chức quản lý theo đúng quy định. UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các cơ quan đơn vị trên địa bàn triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, bổ sung kịp thời các nhiệm vụ cấp bách, đảm bảo nhiệm vụ chi thường xuyên cho bộ máy quản lý, chi cho con người, các chế độ cho đối tượng chính sách và đối tượng bảo trợ xã hội, ngân sách các cấp sắp xếp nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên nhằm góp phần kiềm chế lạm phát và thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngay từ khâu giao dự toán đầu năm để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2024 với số tiền 4.338 triệu đồng.

Nhìn chung công tác điều hành chi ngân sách địa phương năm 2024 đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tài chính về triển khai nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024.

Căn cứ các chính sách, chế độ theo quy định đồng thời trên cơ sở số kinh phí bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai phân bổ ngay từ khâu dự toán cho các cơ quan, đơn vị để kịp thời chi trả chế độ cho các đối tượng thụ hưởng.

III. Bổ sung vốn, danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản và dự toán chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2024

Nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chi ngân sách Nhà nước năm 2024 góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị ở địa phương, Uỷ ban nhân dân huyện kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện thông qua việc bổ sung vốn, danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản; dự toán chi thường xuyên và điều chỉnh dự toán NSNN 6 tháng cuối năm 2024, cụ thể như sau:

1. Bổ sung vốn, danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng cuối năm 2024 (đã có ý kiến thống nhất của thường trực HĐND huyện) với tổng số tiền: **7.436.000.000 đồng** *(bằng chữ: **Bảy tỷ, bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng**)*. Chi tiết như phụ lục số 04 đính kèm.

2. Bổ sung dự toán chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2024 (đã có ý kiến thống nhất của thường trực HĐND huyện và Quyết định bổ sung kinh phí cảu UBND tỉnh Đắk Nông) với tổng số tiền: **91.076.952.171 đồng** *(bằng chữ: **(Chín mươi mốt tỷ, không trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi mốt đồng)**)*. Chi tiết như phụ lục số 05 đính kèm.

3. Điều chỉnh dự toán chi NSNN 6 tháng cuối năm 2024 với tổng số tiền: **1.655.207.500 đồng** *(bằng chữ: **Một tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu hai trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng**)*. Chi tiết như phụ lục số 06 đính kèm.

PHẦN II
DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025

Năm 2025 là năm cuối của thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2022-2025. Căn cứ vào các quy định hiện hành; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2022; số liệu thu, chi NSNN năm 2025 dự kiến của Sở Tài chính và tình hình thực tế của địa phương, Uỷ ban nhân dân huyện xây dựng dự toán NSNN năm 2025 cụ thể như sau:

I. Dự kiến dự toán thu NSNN năm 2025

Thu NSNN trên địa bàn

Dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2025 của huyện Đắk Glong dự kiến là **227.100 triệu đồng** *(Trong đó phần thuế do UBND huyện quản lý, tổ chức thu trong năm **76.600 triệu đồng**)*. Tăng 27.000 triệu đồng so với năm 2024.

II. Về chi ngân sách năm 2025

1. Chi ngân sách huyện

Căn cứ vào dự thảo định mức phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, các chế độ, chính sách hiện hành, tình hình thực tế của địa phương và số liệu dự kiến của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện dự kiến xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2025: **810.751 triệu đồng**, giảm 0,72% so với năm 2024, chi ngân sách năm 2025 giảm chủ yếu giảm kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Cụ thể như sau:

1.1. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: **620.607 triệu đồng**. Bao gồm:

1.1.1. Chi đầu tư phát triển

Dự toán chi đầu tư phát triển: 36.584 triệu đồng/36.806 triệu đồng, giảm 0,6% so với dự toán năm 2024. Nguyên nhân chi đầu tư phát triển giảm so với dự toán năm 2024 là do giảm nguồn chi đầu tư phát triển vốn trong nước. Vốn đầu tư năm 2025 được phân bổ từ các nguồn như sau:

- Từ nguồn phân cấp của tỉnh là: 18.584 triệu đồng.

- Từ nguồn thu tiền sử dụng đất là: 18.000 triệu đồng.

1.1.2. Chi thường xuyên

Dự toán chi thường xuyên: 572.572 triệu đồng/496.041 triệu đồng, tăng 15,43% so với năm 2024. Nguyên nhân do tăng mức lương cơ sở và một số chế

độ, chính sách năm 2025 tỉnh bổ sung trong cân đối ngân sách. Cụ thể một số khoản chi cơ bản như sau:

- Chi cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 344.896 triệu đồng;

- Chi sự nghiệp y tế: 95.086 triệu đồng;

- Chi an sinh xã hội: 68.917 triệu đồng;

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 24.047 triệu đồng;

- Chi khoa học công nghệ: 300 triệu đồng.

1.1.3. Dự phòng ngân sách huyện: 11.451 triệu đồng.

1.2. Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, nhiệm vụ: 190.144 triệu đồng, trong đó:

- Chi bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách: 72.923 triệu đồng;

- Chi bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 117.221 triệu đồng.

2. Dự kiến phương án phân bổ ngân sách huyện

a. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 620.607 triệu đồng. Bao gồm: Chi đầu tư phát triển: 36.584 triệu đồng; Chi thường xuyên: 572.572 triệu đồng *(trong đó chi ngân sách xã: 71.161 triệu đồng)*; Dự phòng ngân sách: 11.451 triệu đồng).

Định mức phân bổ chi thường xuyên cho các cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện: 25 triệu đồng/biên chế/năm.

Định mức phân bổ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện: 23 triệu đồng/biên chế/năm.

b. Chi chương trình mục tiêu quốc gia, nhiệm vụ từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu là 190.144 triệu đồng.

3. Dự kiến phương án phân bổ cho ngân sách cấp xã

3.1. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Căn cứ nguồn kinh phí UBND tỉnh phân bổ, Uỷ ban nhân dân huyện dự kiến phân bổ 40 triệu đồng/xã/năm để chi hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng; đào tạo, bồi dưỡng khác theo quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức.

3.2. Sự nghiệp phát thanh truyền hình: Căn cứ kinh phí tỉnh phân bổ, Uỷ ban nhân dân huyện dự kiến phân bổ 17 triệu đồng/xã/năm để chi hoạt động của đài truyền thanh cơ sở.

3.3. Sự nghiệp văn hoá: Căn cứ nguồn kinh phí UBND tỉnh phân bổ, Uỷ ban nhân dân huyện dự kiến phân bổ 26 triệu đồng/xã/năm để chi tổ chức các hội thi, hội diễn và các hoạt động văn hoá khác do cấp xã tổ chức, quản lý. Ngoài ra, phân bổ thêm kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo NQ số 33/2018/NQ-HĐND của Hội đồng

nhân dân tỉnh với mức 27 triệu đồng cho UBMTTQ xã và 7 triệu đồng/khu dân cư.

3.4. Sự nghiệp thể thao: Căn cứ nguồn kinh phí UBND tỉnh phân bổ, Uỷ ban nhân dân huyện dự kiến phân bổ 19 triệu đồng/xã/năm để chi cho các hoạt động thể dục, thể thao do cấp xã quản lý.

3.5. Đảm bảo xã hội: Căn cứ nguồn kinh phí UBND tỉnh phân bổ, Uỷ ban nhân dân huyện dự kiến phân bổ 50 triệu đồng/xã/năm để chi thăm hỏi các gia đình chính sách, trợ giúp xã hội và hoạt động xã hội khác do cấp xã quản lý. Ngoài ra, phân bổ thêm kinh phí để thăm tặng quà, chúc thọ, người cao tuổi.

3.6. Chi sự nghiệp môi trường: Căn cứ nguồn kinh phí UBND tỉnh phân bổ, Uỷ ban nhân dân huyện dự kiến phân bổ 30 triệu đồng/xã/năm để chi cho công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, công tác kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã và các hoạt động bảo vệ môi trường khác,…

3.7. Sự nghiệp kinh tế: Căn cứ nguồn kinh phí UBND tỉnh phân bổ, Uỷ ban nhân dân huyện dự kiến phân bổ 50 triệu đồng/xã/năm để thực hiện các nhiệm vụ chi theo phân cấp. Ngoài ra, phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, Ban Lâm nghiệp xã.

3.8. Chi Quốc phòng: Căn cứ nguồn kinh phí UBND tỉnh phân bổ, Uỷ ban nhân dân huyện dự kiến phân bổ đầy đủ các chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân; phân bổ kinh phí huấn luyện dân quân theo mức 100 triệu đồng/xã (xã Quảng Khê), theo mức 70 triệu đồng/xã (các xã còn lại); tiền trực các ngày lễ lớn trong năm 30 triệu đồng/xã/năm.

3.9. Chi lực lượng An ninh cơ sở: Căn cứ nguồn kinh phí UBND tỉnh phân bổ, Uỷ ban nhân dân huyện dự kiến phân bổ đầy đủ các chế độ, chính sách cho lực lượng an ninh cơ sở tại các thôn bon trên địa bàn huyện.

3.10. Chi quản lý hành chính:

- Chi quản lý hành chính: Chi tiền lương, phụ cấp và các khỏan đóng góp theo lương theo quy định được xác định trên cơ sở số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2024 số lượng cán bộ công chức cấp xã, mức khoán quỹ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, bon theo quy định; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ; đồng thời đảm bảo kinh phí tăng biên chế của UBND các xã theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND, ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc Quyết định số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách, một số đối tượng khác công tác ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2025. Số lượng cán bộ công chức cấp xã của huyện Đắk Glong tăng lên so với trước đây là 25 người.

- Phân bổ chi thường xuyên theo tiêu chí biên chế với mức 23 triệu đồng/biên chế/năm.

III. Một số giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ NSNN năm 2025

1. Tổ chức thực hiện tốt các luật thuế và nhiệm vụ thu NSNN năm 2025, quyết tâm thu đạt và phấn đấu hoàn thành dự toán thu NSNN năm 2025 được giao.

- Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã cần tập trung chỉ đạo sát sao, phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế tăng cường công tác quản lý thu trên địa bàn, nắm chắc nguồn thu, chủ động đề ra các giải pháp phù hợp với từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng thu, đặc biệt là các khoản thu liên quan đến đất đai, kinh doanh bất động sản, tài nguyên khoáng sản, xây dựng nhà ở tư nhân, sản xuất và mua bán nông sản... Quyết liệt chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn thuế; tăng cường thanh tra, kiểm tra thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển, thúc đẩy tăng trưởng, chú trọng các thế mạnh và tiềm năng của huyện để khai thác nguồn thu mới, tạo nguồn thu bền vững. Thường xuyên đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ thu NSNN để có giải pháp chỉ đạo, điều hành kịp thời.

- Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế; duy trì và tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế; tiếp tục triển khai thực hiện khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp NSNN.

- Chỉ đạo các cơ quan đơn vị có liên quan đưa ra các giải pháp để tăng các khoản thu từ đất đai.

2. Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN.

- Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã quản lý chi NSNN chặt chẽ, theo dự toán, đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và chính sách an sinh, xã hội trên địa bàn.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 ngay từ đầu năm; triển khai toàn diện, đồng bộ các thủ tục pháp lý của quá trình đầu tư, từ việc chuẩn bị dự án, thẩm định, quyết định chủ trương, xây dựng và triển khai kế hoạch, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, quyết toán, thanh tra theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; đẩy mạnh công khai sử dụng ngân sách gắn với trách nhiệm giải trình. Các xã chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách và nguồn lực tại chỗ để chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, các nhiệm vụ cấp thiết phát sinh theo quy định.

3. Thực hiện có hiệu quả ý kiến chỉ đạo của các cấp về việc tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị; đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm đầu mối, tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; kiện toàn đội ngũ cán bộ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện cơ chế hoạt động tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực gắn với thúc đẩy lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công đã đề ra và cơ cấu lại ngân sách nhà nước chi cho các lĩnh vực này; đồng thời, khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công lập chủ động sử dụng nguồn thu phí và các nguồn thu hợp pháp khác để phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, trên cơ sở đó giảm kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp, dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách theo quy định.

4. Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định; thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán (nếu có).

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện thu, chi NSNN năm 2024 và dự kiến xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2025. Kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Tài chính tỉnh Đăk Nông (thay b/c);
- TT Huyện uỷ (thay b/c);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND huyện;
- Phòng Tài chính - KH huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- Chi cục thuế khu vực Gia Nghĩa- ĐGL;
- Kho bạc Nhà nước Đăk Glong;
- UBND các xã;
- Lưu VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Nam Thuần

PHỤ LỤC 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân huyện Đắk Glong)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện đến ngày 27/11/2024	Ước thực hiện đến ngày 31/12/2024	So sánh ƯTH/DT giao (%)
A	B	1	2	3	4
	TỔNG THU NSNN	**200.100.000.000**	**211.008.944.040**	**219.141.740.854**	**109,52**
I	**Thu nội địa**	**200.100.000.000**	**211.008.944.040**	**219.141.740.854**	**109,52**
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	103.960.000.000	114.313.982.848	116.600.262.505	112,16
	- Thuế giá trị gia tăng	15.500.000.000	16.632.197.923	16.964.841.881	109,45
	Trong đó Thuế giá trị gia tăng thuỷ điện	-	-	-	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.500.000.000	-	-	-
	- Thuế tài nguyên	83.960.000.000	97.681.784.925	99.635.420.624	118,67
	Trong đó Thuế tài nguyên thuỷ điện	83.950.000.000	97.669.402.533	99.622.790.584	118,67
	- Thu khác	-	-		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	1.050.000.000	708.381.023	729.185.016	69,45
	- Thuế giá trị gia tăng	350.000.000	183.291.214	188.789.950	53,94
	Trong đó Thuế giá trị gia tăng thuỷ điện	-	-	-	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	700.000.000	510.175.213	525.480.469	75,07
	- Thuế tài nguyên	-	14.914.596	14.914.596	
	Trong đó Thuế tài nguyên thuỷ điện	-	-		
	- Thu khác	-	-		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	28.330.000.000	36.177.064.108	38.706.755.367	136,63
	- Thuế giá trị gia tăng	19.200.000.000	27.075.121.743	28.970.380.265	150,89
	Trong đó Thuế giá trị gia tăng thuỷ điện	-	-	-	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	130.000.000	135.161.415	141.919.486	109,17
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.880.000.000	2.861.410.721	3.061.709.471	162,86
	- Thuế tài nguyên	7.120.000.000	6.105.370.229	6.532.746.145	91,75
	Trong đó Tài nguyên nước thủy điện	7.080.000.000	5.936.063.299	6.351.587.730	89,71
	- Thu khác	-	-		
5	Thuế thu nhập cá nhân	14.060.000.000	14.012.556.756	14.292.807.891	101,66
6	Lệ phí trước bạ	12.200.000.000	12.803.892.419	13.188.009.192	108,10
7	Thu phí, lệ phí	2.930.000.000	2.933.758.942	3.074.794.506	104,94
	Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản	*190.000.000*	*40.225.630*	40.225.630	21,17
-	Phí và lệ phí trung ương	741.000.000	1.056.213.140	1.087.899.534	146,82
-	Phí và lệ phí tỉnh	743.000.000	540.894.972	540.894.972	72,80
-	Phí và lệ phí huyện, xã	1.446.000.000	1.336.650.830	1.446.000.000	100,00
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000.000	20.746.070	20.746.070	207,46
9	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	700.000.000	1.169.180.307	1.169.180.307	167,03
10	Thu tiền sử dụng đất	17.000.000.000	9.578.960.150	11.500.000.000	67,65
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	15.160.000.000	15.057.753.772	15.160.000.000	100,00
12	Thu khác ngân sách	4.700.000.000	4.232.667.645	4.700.000.000	100,00

PHỤ LỤC 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân huyện Đắk Glong)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện đến ngày 20/11/2024	Ước thực hiện đến ngày 31/12/2024	So sánh ƯTH/DT giao (%)
A	B	1	2	3	4
	TỔNG THU NSNN	**70.175.000.000**	**66.449.355.270**	**71.748.385.083**	**102,24**
I	**Thu nội địa**	**70.175.000.000**	**66.449.355.270**	**71.748.385.083**	**102,24**
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	12.010.000.000	9.991.701.159	10.291.080.722	85,69
	- Thuế giá trị gia tăng	9.300.000.000	9.979.318.767	10.278.698.330	110,52
	Trong đó Thuế giá trị gia tăng thuỷ điện	-	-	-	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.700.000.000	-	-	-
	- Thuế tài nguyên	10.000.000	12.382.392	12.382.392	123,82
	Trong đó Thuế tài nguyên thuỷ điện	10.000.000	-	-	-
	- Thu khác	-	-		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	630.000.000	430.994.461	451.798.454	71,71
	- Thuế giá trị gia tăng	210.000.000	109.974.734	115.473.471	54,99
	Trong đó Thuế giá trị gia tăng thuỷ điện	-	-	-	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	420.000.000	306.105.131	321.410.388	76,53
	- Thuế tài nguyên	-	14.914.596	14.914.596	
	Trong đó Thuế tài nguyên thuỷ điện	-	-		
	- Thu khác	-	-		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		-	-	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	12.818.000.000	18.266.388.598	19.885.162.263	155,13
	- Thuế giá trị gia tăng	11.520.000.000	16.245.073.792	17.707.130.433	153,71
	Trong đó Thuế giá trị gia tăng thuỷ điện	-	-	-	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	130.000.000	135.161.415	137.362.257	105,66
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.128.000.000	1.716.846.461	1.871.362.642	165,90
	- Thuế tài nguyên	40.000.000	169.306.930	169.306.930	423,27
	Trong đó Tài nguyên nước thủy điện	-	-		
	- Thu khác	-	-		
5	Thuế thu nhập cá nhân	11.248.000.000	11.210.045.982	11.770.548.281	104,65
6	Lệ phí trước bạ	12.200.000.000	12.803.892.419	13.444.087.040	110,20
7	Thu phí, lệ phí	1.446.000.000	1.399.127.130	1.508.476.300	104,32
	Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản	*30.000.000*	*18.066.130*	18.066.130	60,22
-	Phí và lệ phí trung ương	-	7.000.000	7.000.000	
-	Phí và lệ phí tỉnh	-	55.476.300	55.476.300	
-	Phí và lệ phí huyện, xã	1.446.000.000	1.336.650.830	1.446.000.000	100,00
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000.000	20.746.070	20.746.070	207,46
9	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	-	72.355.703	72.355.703	
10	Thu tiền sử dụng đất	17.000.000.000	9.578.960.150	11.500.000.000	67,65
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	213.000.000	95.410.567	95.410.567	44,79
12	Thu khác ngân sách	2.600.000.000	2.579.733.031	2.708.719.683	104,18

PHỤ LỤC 02

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân huyện Đắk Glong)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao năm 2024	Thực hiện đến ngày 27/11/2024	Ước thực hiện đến ngày 31/12/2024	So sánh ƯTH/DT giao (%)
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*
	TỔNG CHI NSĐP	**1.169.828.709.541**	**635.392.990.464**	**854.477.328.129**	**73,04**
A	**CHI NS CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC**	**1.118.064.207.541**	**577.935.714.520**	**796.047.564.179**	**71,20**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**36.806.000.000**	**10.997.988.541**	**18.136.000.000**	**49,27**
1	Chi đầu tư cho các dự án	24.036.000.000	10.997.988.541	18.136.000.000	75,45
2	Kinh phí đối ứng CTMT	12.770.000.000	Đã giải ngân trong CTMTQG		-
II	**Chi các CTMTQG**	**593.836.709.541**	**197.316.054.100**	**284.714.480.179**	**47,94**
1	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**	**11.241.446.935**	**6.576.651.699**	**9.084.480.179**	**80,81**
	Vốn đầu tư	6.834.480.179	5.872.119.926	6.834.480.179	100,00
	Vốn sự nghiệp	4.406.966.756	704.531.773	2.250.000.000	51,06
2	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh bền vững**	**265.362.969.565**	**121.694.363.151**	**164.778.000.000**	**62,10**
	Vốn đầu tư	190.017.561.367	112.705.374.113	150.428.000.000	79,17
	Vốn sự nghiệp	75.345.408.198	8.988.989.038	14.350.000.000	19,05
3	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số mà miền núi**	**317.232.293.041**	**69.045.039.250**	**110.852.000.000**	**34,94**
	Vốn đầu tư	227.138.493.015	60.691.872.743	98.420.000.000	43,33
	Vốn sự nghiệp	90.093.800.026	8.353.166.507	12.432.000.000	**13,80**
III	**Chi thường xuyên**	**477.500.498.000**	**369.621.671.879**	**493.197.084.000**	**103,29**
1	Chi quốc phòng	900.000.000	1.580.756.000	1.637.756.000	181,97
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	600.000.000	1.337.830.000	3.049.830.000	508,31
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	301.669.000.000	253.216.539.430	328.669.000.000	108,95
4	Chi khoa học và công nghệ	300.000.000	58.492.520	300.000.000	100,00
5	Chi y tế, dân số và gia đình	70.896.000.000	58.135.277.775	79.567.000.000	112,23
6	Chi văn hóa thông tin	1.349.179.000	1.080.046.460	1.349.179.000	100,00
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.863.193.000	1.804.293.454	1.863.193.000	100,00
8	Chi thể dục thể thao	429.490.000	368.979.890	499.490.000	116,30
9	Chi bảo vệ môi trường	5.200.000.000	3.165.502.000	5.200.000.000	100,00
10	Chi các hoạt động kinh tế	28.322.563.000	7.702.898.151	28.322.563.000	100,00
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý NN, đảng, đoàn thể	36.771.394.000	41.999.433.730	42.571.394.000	115,77
12	Chi bảo đảm xã hội	25.322.000.000	13.867.889.787	25.322.000.000	100,00
13	Chi thường xuyên khác	3.877.679.000	3.350.420.000	3.877.679.000	100,00%
IV	**Dự phòng ngân sách**	**9.921.000.000**			**0,00%**
B	**Chi NS cấp xã**	**51.764.502.000**	**57.457.275.944**	**58.429.763.950**	**112,88%**

PHỤ LỤC 03

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân huyện Đắk Glong)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
1	**Huyện ủy Đắk Glong**	**95.000.000**	
	Kinh phí chi đặc biệt Thường trực	95.000.000	Quyết định số 3024/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024
2	**Phòng Y tế huyện**	**200.000.000**	
	Kinh phí khám tuyển nghĩa vụ quân sự và thực hiện nghĩa vụ Công an nhân dân năm 2025	200.000.000	Quyết định số 3007/QĐ-UBND, ngày 28/11/2024
3	**Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đắk Glong**	**108.600.000**	
	Hỗ trợ kinh phí thanh toán chế độ cho quân số tham gia trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Hội nghị Trung ương 9, khóa XIII và Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV năm 2024	68.600.000	Quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
	Kinh phí chi thanh toán chế độ cho quân số tham gia trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ kỷ niệm 79 năm ngày Cách mạng tháng tám và Quốc khánh 02/9/2024	40.000.000	Quyết định số 2797/QĐ-UBND, ngày 29/10/2024
4	**Trung tâm Y tế huyện**	**138.540.000**	
	Hỗ trợ kinh phí phụ hóa chất diệt muỗi phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2024	138.540.000	Quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
5	**Công an huyện Đắk Glong**	**714.330.000**	
	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2024	69.330.000	Quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Lễ ra mắt lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	40.000.000	
	Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn huyện Đắk Glong	340.000.000	
	Kinh phí chi ngân sách Nhà nước năm 2024 cho Công an huyện để chi kinh phí tổ chức Hội nghị gặp mặt người chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương tái hòa nhập cộng đồng	35.000.000	Quyết định số 2781/QĐ-UBND, ngày 24/10/2024
	Kinh phí tổ chức Hội nghị truyền thông phòng, chống mua bán người trên địa bàn huyện Đắk Glong	50.000.000	Quyết định số 2797/QĐ-UBND, ngày 29/10/2024
	Hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác cấp căn cước, giấy chứng nhận căn cước cho công dân trên địa bàn huyện	90.000.000	Quyết định số 3024/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024
	Hỗ trợ kinh phí tập huấn cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn huyện Đắk Glong	40.000.000	
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước huyện năm 2024	20.000.000	Quyết định số 3008/QĐ-UBND, ngày 28/11/2024
	Kinh phí hoạt động của Bộ phận An toàn, An ninh mạng huyện năm 2024	30.000.000	

6	**Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp**	**149.552.000**	
	Kinh phí tiêm phòng vắc xin dại chó, mèo và phí xét nghiệm mẫu bệnh phẩm năm 2024	47.812.000	Quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
	Kinh phí tiêm phòng vắc xin lở mồm long móng trên trâu, bò năm 2024	27.290.000	
	Kinh phí tiêm phòng vắc xin viêm da nổi cục trên trâu, bò năm 2024	34.850.000	
	Kinh phí triển khai tháng tổng vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường đợt 2 năm 2024	39.600.000	Quyết định số 3024/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024
7	**Hạt Kiểm lâm huyện**	**243.800.000**	
	Kinh phi hoạt động của đoàn kiểm tra, thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng quý 1 và quý 2 năm 2024	64.800.000	Quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
	Kinh phí in bản đồ diễn biến rừng năm 2023	15.000.000	
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động Chốt liên ngành quản lý bảo vệ rừng (Chốt Quảng Hòa)	50.000.000	
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động Chốt liên ngành quản lý bảo vệ rừng (Chốt Đắk Plao)	50.000.000	
	Kinh phi hoạt động của đoàn kiểm tra, thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng quý 3 và quý 4 năm 2024	64.000.000	Quyết định số 3024/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024
8	**Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong**	**10.000.000**	
	Kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự huyện Đắk Glong năm 2024	10.000.000	Quyết định số 3008/QĐ-UBND, ngày 28/11/2024
9	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn**	**116.994.000**	
	Kinh phí cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với diện tích 35,41ha xã Quảng Sơn đợt 2 năm 2024	90.000.000	Quyết định số 2958/QĐ-UBND, ngày 15/11/2024
	Kinh phí thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính	26.994.000	Quyết định số 3024/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024
10	**UBND xã Quảng Hòa**	**100.000.000**	
	Kinh phí sửa chữa đường giao thông nội đồng thôn 6 đi thôn 7, xã Quảng Hòa	100.000.000	Quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
11	**Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã**	**2.450.000.000**	
	Kinh phí đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia	2.450.000.000	Quyết định số 2848/QĐ-UBND, ngày 07/11/2024
	Tổng cộng	**4.326.816.000**	

Tổng số tiền ghi bằng chữ: (Bốn tỷ, ba trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng)

Phụ lục 04

BỔ SUNG VỐN, DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân huyện Đắk Glong)

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		
						Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN			Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
	TỔNG CỘNG					**54.150.932.780**	**53.450.932.780**	**43.450.932.780**	**7.436.000.000**	**-**	**-**	
I	**NGUỒN VỐN XDCB TẬP TRUNG**					**35.755.358.000**	**35.055.358.000**	**35.055.358.000**	**4.000.000.000**	**-**	**-**	
1	Trương tiểu học La Văn Cầu, xã Đắk R'Măng; hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng (02 tầng)	Ban QLDA & PTQĐ	7924591	2022-2025	Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	518.579.000			
2	Trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Đắk Glong; hạng mục: Kho lưu trữ, nhà một cửa và thiết bị	Ban QLDA & PTQĐ	7919357	2021-2023	Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 02/11/2021	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	50.208.200			
3	Trường THCS Hoàng Văn Thụ, xã Quảng Sơn; hạng mục: Nhà lớp học 18 phòng (3 tầng) và thiết bị	Ban QLDA & PTQĐ	7924592	2022-2025	Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 26/7/20	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	740.628.361			
4	Xây dựng bể bơi phục vụ công tác dạy và học tại Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, xã Đắk Som	Phòng GD & ĐT	8093945	2024	Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 18/06/2024	1.000.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000			
5	Xây mới cầu vào khu sản xuất thôn 6 xã Đắk R'Măng	Xã Đắk R'Măng	7890568	2021-2025	QĐ 466/QĐ-UBND ngày 23/3/2021	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	63.342.000			
6	Khôi phục cọc móc ranh giới phân lô đất tái canh phục vụ công tác cấp GCNQSD đất đối với khu tái định canh xã Quảng Hoà sau khi thu hồi thực hiện công trình Thuỷ điện Buôn Tua Srah	Phòng TN và MT	7934979	2022-2025	QĐ 3606/QĐ-UBND ngày 3/12/2021	1.755.358.000	1.755.358.000	1.755.358.000	1.100.000.000			
7	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông	Ban QLDA & PTQĐ		2024-2025		4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	600.000.000			
8	Nâng cấp, sửa chữa Quảng trường trung tâm huyện Đắk Glong	Ban QLDA & PTQĐ		2024-2025		4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	627.242.439			
II	**NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**					**18.395.574.780**	**18.395.574.780**	**8.395.574.780**	**3.436.000.000**	**-**	**-**	
1	Nâng cấp Sân Trụ sở làm việc HĐND và UBND huyện Đắk Glong	Văn phòng HĐND và UBND	8114800	2024-2025	2798/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	800.000.000	800.000.000	800.000.000	500.000.000			

2	Trường PTDTBT tiểu học Vừ A Dính, xã Đắk Som; hạng mục: Nhà lớp học 18 phòng (3 tầng), thiết bị và hạ tầng kỹ thuật	Ban QLDA&PTQĐ	8115928	2024-2025	2708/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	14.950.000.000	14.950.000.000	4.950.000.000	2.531.425.220			
3	Chi phí bồi thường: Mở rộng trường Phổ thông bán trú, Trung học cơ sở Đắk R'Măng, xã Đắk R'Măng	Ban QLDA & PTQĐ	8103050	2024-2025	2708/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	304.574.780	304.574.780	304.574.780	304.574.780			
4	Lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đắk Glong	Phòng KTHT	8092802	2024-2025	Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	2.341.000.000	2.341.000.000	2.341.000.000	100.000.000			

PHỤ LỤC 05

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân huyện Đắk Glong)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Số tiền	Nguồn	Ghi chú
I	**Khối Đảng, Đoàn thể**	**3.442.803.583**		
1	**Cơ quan Huyện ủy**	**2.660.061.720**		
	Kinh phí trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (Trần Thanh Chương, nguyên Phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đắk Glong)	73.656.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	793.373.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí nhiên liệu xe ô tô	70.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin	9.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí cước internet, bưu phẩm	20.000.000		
	Kinh phí hoạt động nhà khách, nhà bếp	30.000.000		
	Kinh phí chăm sóc sức khỏe cán bộ	30.000.000		
	Kinh phí phụ cấp Ban chỉ huy quân sự tự vệ khối	34.032.720		
	Kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác cho Văn phòng Huyện ủy	1.600.000.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
2	**Ban Dân vận Huyện ủy**	**207.245.610**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	115.895.610	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí tổ chức Hội thi Dân vận khéo cấp huyện và tham gia thi cấp tỉnh năm 2024	56.350.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương	35.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
3	**Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**	**39.189.030**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	24.189.030	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí tổ chức Lễ phát động, ra quân dọn vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy/loăng quăng phòng chống dịch bệnh Sốt xuất huyết Dengue trên địa bàn huyện Đắk Glong	15.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
4	**Hội Cựu chiến binh huyện**	**84.133.468**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	74.133.468	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	

	Kinh phí đưa đoàn đại biểu đi dự Đại hội thi đua "Cựu chiến binh gương mẫu" tỉnh Đắk Nông lần thứ V, giai đoạn 2019-2024	10.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
5	**Hội Người cao tuổi huyện**	**56.871.686**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	36.871.686	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí đưa đón đoàn đại biểu Người cao tuổi tham dự Hội nghị biểu dương người cao tuổi tiêu biểu tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở giai đoạn 2019-2024 và tổ chức Hội nghị tổng kết công tác Hội Người cao tuổi huyện Đắk Glong năm 2024	20.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
6	**Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện**	**157.734.287**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	121.782.287	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Phụ cấp chi ủy viên năm 2024	5.952.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương	30.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
7	**Hội Liên hiệp phụ nữ huyện**	**83.699.730**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	76.247.730	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Phụ cấp chi ủy viên năm 2024	7.452.000	Nguồn chi khác ngân sách	
8	**Hội Nông dân huyện**	**108.094.790**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	88.094.790	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương	20.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
9	**Hội Chữ thập đỏ huyện**	**45.773.262**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	45.773.262	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
II	**Khối quản lý hành chính**	**40.384.392.713**		
1	**Văn phòng HĐND&UBND huyện**	**755.479.040**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	450.671.040	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí chi trả tiền lương cho 02 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	180.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí lắp máy điều hòa khu nhà khách	30.000.000		
	Kinh phí sửa chữa các ô cửa, hàng rào bảo vệ, mái mà bếp bị xuống cấp	65.000.000		
	Phụ cấp chi ủy viên năm 2024	29.808.000	Nguồn chi khác ngân sách	
2	**Phòng Tài chính - Kế hoạch**	**155.423.430**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	140.245.830	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	

	Kinh phí tổ chức tập huấn Tổng kiểm kê tài sản theo Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	15.177.600	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
3	**Phòng Tài nguyên và Môi trường**	**250.691.880**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	160.013.880	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí mua phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	5.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí mua 01 máy in A3 Canon LBP 8780x	26.500.000		
	Kinh phí phục vụ công tác định giá đất	59.178.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
4	**Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	**1.956.868.650**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	156.868.650	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí khắc phục hư hỏng, sạt lở đường vào thủy điện Đồng Nai (tuyến đường kết nối với tỉnh Lâm Đồng)	1.100.000.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung	
	Kinh phí khắc phục, sửa chữa hư hỏng, sạt lở đường giao thông liên xã Quảng Khê - Đắk R' Măng (ĐH.74)	700.000.000		
5	**Phòng Giáo dục và Đào tạo**	**36.036.504.219**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	158.352.570	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	27.906.188.132		
	Kinh phí tiền lương và các khoản trích nộp theo lương (Kinh phí chênh lệch lương biên chế trống giao đầu năm)	104.410.080	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập (nhóm 4) thuộc lĩnh vực giáo dục	7.476.000.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	391.553.437	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
6	**Phòng Nội vụ**	**416.017.340**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	156.017.340	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã năm 2023 (vòng 2) và tuyển dụng công chức cấp xã năm 2024	95.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí tổ chức tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2024	75.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí khen thưởng năm 2024	40.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí khen thưởng năm 2024	50.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	

7	**Phòng Kinh tế và Hạ tầng**	**85.697.190**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	85.697.190	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
8	**Phòng Lao động Thương binh và Xã hội**	**253.204.630**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	138.204.630	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương	55.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
	Kinh phí phục vụ Hội thi tuyên truyền viên giỏi về công tác giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông lần thứ IV, năm 2024	30.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
	Kinh phí làm bảng tên Bia ghi danh các anh hung liệt sĩ	30.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
9	**Thanh tra huyện**	**108.555.444**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	108.555.444	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
10	**Phòng Dân tộc**	**71.736.030**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	71.736.030	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
11	**Phòng Văn hóa và Thông tin**	**196.875.100**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	105.875.100	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí tham gia liên hoan trình diễn cồng chiêng và nhạc cụ truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông năm 2024	80.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Tổ chức Lễ công bố và đón nhận Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Lễ cúng thần rừng của người Mạ trên địa bàn huyện Đắk Glong	11.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
12	**Phòng Tư pháp**	**72.949.850**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	64.949.850	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí sửa chữa máy photocoppy phục vụ chuyên môn	8.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
13	**Phòng Y tế**	**24.389.910**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	24.389.910	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
III	**Đơn vị sự nghiệp khối huyện**	**891.321.402**		
1	**Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông**	**502.395.042**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	236.235.042	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	*153.609.048*		
	Sự nghiệp văn hóa	*66.733.794*		
	Sự nghiệp thể thao	*15.892.200*		
	Kinh phí tổ chức đêm công diễn Liên hoan Nghệ thuật quần chúng tỉnh Đắk Nông lần thứ IX năm 2024 tại huyện Đắk Glong	43.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	

	Kinh phí tham gia Liên hoan Nghệ thuật quần chúng tỉnh Đắk Nông lần thứ IX năm 2024	73.160.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí sửa chữa các cụm Pa nô tuyên truyền trên địa bàn xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong	55.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí trang trí phục vụ Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025	95.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
2	**Trung tâm Chính trị huyện**	**129.460.032**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	84.819.032	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Phụ cấp chi ủy viên năm 2024	9.641.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương	35.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
3	**Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp**	**161.787.294**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	161.787.294	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
4	**Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên**	**97.679.034**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	97.679.034	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
IV	**Các đơn vị hỗ trợ**	**44.600.598.225**		
1	**Bảo hiểm Xã hội huyện Đắk Glong**	**44.600.598.225**		
	Kinh phí bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng NSNN đóng, hỗ trợ đóng quý III năm 2024	23.168.876.000	Nguồn kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng	
	Kinh phí bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng NSNN đóng, hỗ trợ đóng quý IV năm 2024; Kinh phí mua Bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2024	21.431.722.225	Nguồn kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng số tiền: 12.058.722.225; Nguồn UBND tỉnh bổ sung tại QĐ 1430 số tiền: 7.864.000.000 đồng; Nguồn thu hồi dự toán số tiền: 1.509.000.000	
V	**Khối xã**	**1.757.836.248**		
1	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Khê**	**283.527.000**		
	Kinh phí Trợ cấp ban đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (Nguyễn Thị Hồng Diễm, công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường; Lê Vinh Tài, công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường; Trần Thị Trà Giang, công chức Văn hóa - xã hội ; H' Hiền, công chức Văn phòng - thống kê xã Quảng Khê)	72.000.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	211.527.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
2	**Ủy ban nhân dân xã Đắk Ha**	**243.777.000**		

	Kinh phí Trợ cấp ban đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP Nguyễn Thế Lượng, công chức văn hóa - xã hội; Châu Thị Khánh Linh, công chức tư pháp - hộ tịch xã Đắk Ha)	36.000.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí rà soát, thu thập hồ sơ minh chứng xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024	60.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	147.777.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
3	**Ủy ban nhân dân xã Đắk Som**	**203.200.200**		
	Kinh phí Trợ cấp ban đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (Trần Thị Thanh - Công chức Văn hóa - Xã hội xã Đắk Som)	18.000.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí trợ cấp thôi việc cho cán bộ, công chức (Trần Văn Đáp, nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Đắk Som)	40.993.200	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	144.207.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
4	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn**	**268.218.000**		
	Kinh phí Trợ cấp ban đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (Trần Trung Thành - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Quảng Sơn)	18.000.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	250.218.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
5	**Ủy ban nhân dân xã Đắk Plao**	**134.079.000**		
	Kinh phí Trợ cấp ban đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (Lê Minh Mẫn, Công chức Địa chính nông nghiệp - xây dựng và môi trường xã Đắk Plao)	18.000.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (Phùng Thị Nhung - nguyên là công chức Văn phòng - thống kê xã Đắk Plao)	35.964.000		
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	80.115.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
6	**Ủy ban nhân dân xã Đắk R' Măng**	**234.483.318**		
	Kinh phí Trợ cấp ban đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (H' Ngần, công chức văn hóa - xã hội; Phạm Quang Minh, công chức Địa chính nông nghiệp - xây dựng và môi trường; Sầm Văn Lềnh, chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã Đắk R' Măng)	54.000.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	61.905.318	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	

	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	118.578.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
7	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Hòa**	**390.551.730**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	207.563.730	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại để khôi phục sản xuất do bệnh dịch tả lợn Châu phi gây ra năm 2024 trên địa bàn huyện Đắk Glong	64.410.000	Nguồn UBND tỉnh bổ sung năm 2023 chuyển nguồn qua 2024	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	118.578.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
	Tổng cộng	**91.076.952.171**		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ***(Chín mươi mốt tỷ, không trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi mốt đồng)***

Nguồn kinh phí sử dụng: **91.076.952.171** ***đồng.***

- Nguồn chi khác ngân sách huyện năm 2024 1.358.299.000 *đồng.*
- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương năm 2024 325.620.000 *đồng.*
- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương được chuyển nguồn sang năm 2024 sử dụng tiếp 32.345.669.346 *đồng.*
- Nguồn kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng 35.227.598.225 *đồng.*
- Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024 1.944.355.600 *đồng.*
- Nguồn UBND tỉnh bổ sung năm 2024: 19.875.410.000 *đồng.*

+ Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông được chuyển nguồn sang năm 2024 sử dụng tiếp: *64.410.000 đồng.*

+ Quyết định số 219/QĐ-UBND, ngày 04/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông *1.800.000.000 đồng.*

+ Quyết định số 1430/QĐ-UBND, ngày 25/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông *18.011.000.000 đồng.*

PHỤ LỤC 06

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NSNN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân huyện Đắk Glong)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Số tiền		Nguồn	Ghi chú
		Tăng	Giảm		
1	**Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện**		**1.000.000.000**		
	Kinh phí mua sắm thiết bị, phần mềm và xây dựng kho lưu trữ dữ liệu phục vujb chuyển đổi số trong lĩnh vực đất đai năm 2024		1.000.000.000	Nguồn kinh phí giao đầu năm	Quyết định số 2323/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
2	**Phòng Văn hóa và Thông tin**	**1.000.000.000**			
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị nhằm đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số và cải cách hành chính	1.000.000.000		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
3	**Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện**		**10.108.800**		
	Kinh phí tiền lương, các khoản trích nộp theo lương năm 2024		10.108.800	Nguồn kinh phí giao đầu năm	Quyết định số 2353/QĐ-UBND, ngày 06/9/2024
4	**Hội Cựu chiến binh huyện**	**10.108.800**			
	Kinh phí tiền lương, các khoản trích nộp theo lương năm 2024	10.108.800	-	Nguồn kinh phí giao đầu năm	
5	**Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**		**612.582.700**		
	Kinh phí tiền tết Nguyên đán cho các đối tượng		612.582.700	Nguồn kinh phí giao đầu năm	
6	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Khê**	**80.000.000**			
	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	12.000.000		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	68.000.000			
7	**Ủy ban nhân dân xã Đắk Plao**	**59.810.500**			
	Kinh phí tiền tết cho hộ nghèo	22.810.500		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	5.000.000			
	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	32.000.000			
8	**Ủy ban nhân dân xã Đắk Som**	**219.219.000**			
	Kinh phí tiền tết cho hộ nghèo	149.431.000		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho đối tượng bảo trợ xã hội	3.288.000			
	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	9.000.000			

	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	57.500.000			Quyết định số 2565/QĐ-UBND, ngày 26/9/2024
9	**Ủy ban nhân dân xã Đắk Ha**	**52.254.000**			
	Kinh phí tiền tết cho đối tượng bảo trợ xã hội	5.754.000		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	6.500.000			
	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	40.000.000			
10	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn**	**93.000.000**			
	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	11.000.000		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	82.000.000			
11	**Ủy ban nhân dân xã Đắk R' Măng**	**43.500.000**			
	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	2.000.000		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	41.500.000			
12	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Hòa**	**64.799.200**			
	Kinh phí tiền tết cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.299.200		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	7.000.000			
	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	56.500.000			
13	**Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đắk Glong**	**-**	**16.201.000**		
	Kinh phí tiền lương, các khoản trích nộp theo lương và chi thường xuyên cho cán bộ, viên chức		16.201.000	Nguồn kinh phí giao đầu năm	Quyết định số 2953/QĐ-UBND, ngày 14/11/2024
14	**Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện Đắk Glong**		**16.315.000**		
	Kinh phí tiền lương, các khoản trích nộp theo lương và chi thường xuyên cho cán bộ, viên chức		16.315.000	Nguồn kinh phí giao đầu năm	
15	**Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện (Sự nghiệp giáo dục)**	**32.516.000**			
	Kinh phí tiền lương, các khoản trích nộp theo lương và chi thường xuyên cho cán bộ, viên chức	32.516.000	-	Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Tổng cộng	**1.655.207.500**	**1.655.207.500**		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ***(Một tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu hai trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng)***

Nguồn kinh phí sử dụng: **1.655.207.500** ***đồng.***

- Nguồn Kinh phí giao đầu năm tại Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện 1.655.207.500 *đồng.*

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /NQ-HĐND	*Đắk Glong, ngày tháng 12 năm 2024*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về việc bổ sung vốn, danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản; dự toán chi thường xuyên và điều chỉnh dự toán NSNN 6 tháng cuối năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG
KHÓA IV KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đánh giá tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2024; bổ sung vốn, danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản; dự toán chi thường xuyên và điều chỉnh dự toán NSNN 6 tháng cuối năm 2024 và dự kiến dự toán NSNN năm 2025;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các vị đại biểu HĐND huyện tham dự kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn bổ sung vốn, danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản dự toán chi thường xuyên và điều chỉnh dự toán NSNN 6 tháng cuối năm 2024 Cụ thể như sau:

I. Bổ sung dự toán 6 tháng cuối năm 2024 với tổng số tiền: **102.839.768.171 đồng** *(Số tiền bằng chữ: Một trăm lẻ hai tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, một trăm bảy mươi mốt đồng).*

1. Bổ sung vốn, danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng cuối năm 2024 (đã có ý kiến thống nhất của thường trực HĐND huyện) với tổng số tiền: **7.436.000.000 đồng** *(Số tiền bằng chữ: Bảy tỷ, bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng)*. Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm.

Nguồn kinh phí sử dụng: 7.436.000.000 đồng, trong đó:

- Nguồn sử dụng đất năm 2024: 4.000.000.000 đồng;
- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 3.436.000.000 đồng.

2. Bổ sung dự toán chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 2024 (đã có ý kiến thống nhất của thường trực HĐND huyện và các Quyết định bổ sung dự toán của UBND tỉnh Đắk Nông) với tổng số tiền: **91.076.952.171 đồng** *(Số tiền bằng chữ:*

Chín mươi mốt tỷ, không trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi mốt đồng). Chi tiết theo phụ lục số 02 đính kèm.

Nguồn kinh phí sử dụng: 91.076.952.171 đồng, trong đó:

- Nguồn chi khác ngân sách huyện năm 2024: 1.358.299.000 đồng;

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương năm 2024: 325.620.000 đồng;

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương được chuyển nguồn sang năm 2024 sử dụng tiếp số tiền: 32.345.669.346 đồng;

- Nguồn kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng số tiền: 35.227.598.225 đồng;

- Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024 số tiền: 1.944.355.600 đồng;

- Nguồn Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung số tiền: 19.875.410.000 đồng:

+ Tại Quyết định 1715/QĐ-UBND ngày 12/12/2023: 64.410.000 đồng;

+ Tại Quyết định 219/QĐ-UBND ngày 04/3/2024: 1.800.000.000 đồng;

+ Tại Quyết định 1430/QĐ-UBND, ngày 25/11/2024: 18.011.000.000 đồng.

3. Bổ sung kinh phí dự phòng ngân sách 6 tháng cuối năm 2024 với tổng số tiền: **4.326.816.000 đồng** *(Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ, ba trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng)*. Chi tiết theo phụ lục số 03 đính kèm.

II. Điều chỉnh dự toán chi NSNN 6 tháng cuối năm 2024 với tổng số tiền: **1.655.207.500 đồng** *(Số tiền bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm đồng)*. Chi tiết theo phụ lục số 04 đính kèm.

Nguồn kinh phí sử dụng: Nguồn kinh phí giao đầu năm tại Quyết định số 3239/QĐ-UBND, ngày 26/12/2023 của UBND huyện: 1.655.207.500 đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Uỷ ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các ban của Hội đồng nhân dân huyện, các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Đắk Glong khóa IV, kỳ họp thứ 9 nhất trí thông qua ngày tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Lư

Nơi nhận:
- HĐND tỉnh (thay b/c);
- UBND tỉnh (thay b/c);
- TT Huyện ủy; HĐND (thay b/c);
- Sở Kế hoạch – ĐT (thay b/c);
- Sở Tài chính (thay b/c);
- UBMTTQ huyện;
- Các ban của HĐND huyện;
- Các thành viên Uỷ ban;
- VP HĐND - UBND huyện;
- Các phòng, ban của huyện;
- HĐND và UBND các xã;
- Trang TTĐT huyện Đắk Glong;
- Lưu VT, TCKH.

Phụ lục 01

BỔ SUNG VỐN, DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày /12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Glong)

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		
						Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN			Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
	TỔNG CỘNG					**54.150.932.780**	**53.450.932.780**	**43.450.932.780**	**7.436.000.000**	**-**	**-**	
I	**NGUỒN VỐN XDCB TẬP TRUNG**					**35.755.358.000**	**35.055.358.000**	**35.055.358.000**	**4.000.000.000**	**-**	**-**	
1	Trương tiểu học La Văn Cầu, xã Đắk R'Măng; hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng (02 tầng)	Ban QLDA & PTQĐ	7924591	2022-2025	Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	518.579.000			
2	Trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Đắk Glong; hạng mục: Kho lưu trữ, nhà một cửa và thiết bị	Ban QLDA & PTQĐ	7919357	2021-2023	Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 02/11/2021	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	50.208.200			
3	Trường THCS Hoàng Văn Thụ, xã Quảng Sơn; hạng mục: Nhà lớp học 18 phòng (3 tầng) và thiết bị	Ban QLDA & PTQĐ	7924592	2022-2025	Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 26/7/20	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	740.628.361			
4	Xây dựng bể bơi phục vụ công tác dạy và học tại Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, xã Đắk Som	Phòng GD & ĐT	8093945	2024	Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 18/06/2024	1.000.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000			
5	Xây mới cầu vào khu sản xuất thôn 6 xã Đắk R'Măng	Xã Đắk R'Măng	7890568	2021-2025	QĐ 466/QĐ-UBND ngày 23/3/2021	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	63.342.000			
6	Khôi phục cọc móc ranh giới phân lô đất tái canh phục vụ công tác cấp GCNQSD đất đối với khu tái định canh xã Quảng Hoà sau khi thu hồi thực hiện công trình Thuỷ điện Buôn Tua Srah	Phòng TN và MT	7934979	2022-2025	QĐ 3606/QĐ-UBND ngày 3/12/2021	1.755.358.000	1.755.358.000	1.755.358.000	1.100.000.000			
7	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông	Ban QLDA & PTQĐ		2024-2025		4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	600.000.000			
8	Nâng cấp, sửa chữa Quảng trường trung tâm huyện Đắk Glong	Ban QLDA & PTQĐ		2024-2025		4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	627.242.439			
II	**NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**					**18.395.574.780**	**18.395.574.780**	**8.395.574.780**	**3.436.000.000**	**-**	**-**	
1	Nâng cấp Sân Trụ sở làm việc HĐND và UBND huyện Đắk Glong	Văn phòng HĐND và UBND	8114800	2024-2025	2798/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	800.000.000	800.000.000	800.000.000	500.000.000			

2	Trường PTDTBT tiểu học Vừ A Dính, xã Đắk Som; hạng mục: Nhà lớp học 18 phòng (3 tầng), thiết bị và hạ tầng kỹ thuật	Ban QLDA&P TQĐ	8115928	2024-2025	2708/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	14.950.000.000	14.950.000.000	4.950.000.000	2.531.425.220			
3	Chi phí bồi thường: Mở rộng trường Phổ thông bán trú, Trung học cơ sở Đắk R'Măng, xã Đắk R'Măng	Ban QLDA & PTQĐ	8103050	2024-2025	2708/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	304.574.780	304.574.780	304.574.780	304.574.780			
4	Lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đắk Glong	Phòng KTHT	8092802	2024-2025	Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	2.341.000.000	2.341.000.000	2.341.000.000	100.000.000			

PHỤ LỤC 02

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày /12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Glong)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Số tiền	Nguồn	Ghi chú
I	**Khối Đảng, Đoàn thể**	**3.442.803.583**		
1	**Cơ quan Huyện ủy**	**2.660.061.720**		
	Kinh phí trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (Trần Thanh Chương, nguyên Phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đắk Glong)	73.656.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	793.373.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí nhiên liệu xe ô tô	70.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin	9.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí cước internet, bưu phẩm	20.000.000		
	Kinh phí hoạt động nhà khách, nhà bếp	30.000.000		
	Kinh phí chăm sóc sức khỏe cán bộ	30.000.000		
	Kinh phí phụ cấp Ban chỉ huy quân sự tự vệ khối	34.032.720		
	Kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác cho Văn phòng Huyện ủy	1.600.000.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
2	**Ban Dân vận Huyện ủy**	**207.245.610**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	115.895.610	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí tổ chức Hội thi Dân vận khéo cấp huyện và tham gia thi cấp tỉnh năm 2024	56.350.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương	35.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
3	**Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**	**39.189.030**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	24.189.030	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí tổ chức Lễ phát động, ra quân dọn vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy/loăng quăng phòng chống dịch bệnh Sốt xuất huyết Dengue trên địa bàn huyện Đắk Glong	15.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
4	**Hội Cựu chiến binh huyện**	**84.133.468**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	74.133.468	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí đưa đoàn đại biểu đi dự Đại hội thi đua "Cựu chiến binh gương mẫu" tỉnh Đắk Nông lần thứ V, giai đoạn 2019-2024	10.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
5	**Hội Người cao tuổi huyện**	**56.871.686**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	36.871.686	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	

	Kinh phí đưa đón đoàn đại biểu Người cao tuổi tham dự Hội nghị biểu dương người cao tuổi tiêu biểu tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở giai đoạn 2019-2024 và tổ chức Hội nghị tổng kết công tác Hội Người cao tuổi huyện Đắk Glong năm 2024	20.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
6	**Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện**	**157.734.287**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	121.782.287	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Phụ cấp chi ủy viên năm 2024	5.952.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương	30.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
7	**Hội Liên hiệp phụ nữ huyện**	**83.699.730**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	76.247.730	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Phụ cấp chi ủy viên năm 2024	7.452.000	Nguồn chi khác ngân sách	
8	**Hội Nông dân huyện**	**108.094.790**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	88.094.790	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương	20.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
9	**Hội Chữ thập đỏ huyện**	**45.773.262**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	45.773.262	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
II	**Khối quản lý hành chính**	**40.384.392.713**		
1	**Văn phòng HĐND&UBND huyện**	**755.479.040**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	450.671.040	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí chi trả tiền lương cho 02 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	180.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí lắp máy điều hòa khu nhà khách	30.000.000		
	Kinh phí sửa chữa các ô cửa, hàng rào bảo vệ, mái mà bếp bị xuống cấp	65.000.000		
	Phụ cấp chi ủy viên năm 2024	29.808.000	Nguồn chi khác ngân sách	
2	**Phòng Tài chính - Kế hoạch**	**155.423.430**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	140.245.830	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí tổ chức tập huấn Tổng kiểm kê tài sản theo Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	15.177.600	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
3	**Phòng Tài nguyên và Môi trường**	**250.691.880**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	160.013.880	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí mua phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	5.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí mua 01 máy in A3 Canon LBP 8780x	26.500.000		

	Kinh phí phục vụ công tác định giá đất	59.178.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
4	**Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	**1.956.868.650**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	156.868.650	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí khắc phục hư hỏng, sạt lở đường vào thủy điện Đồng Nai (tuyến đường kết nối với tỉnh Lâm Đồng)	1.100.000.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung	
	Kinh phí khắc phục, sửa chữa hư hỏng, sạt lở đường giao thông liên xã Quảng Khê - Đắk R' Măng (ĐH.74)	700.000.000		
5	**Phòng Giáo dục và Đào tạo**	**36.036.504.219**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	158.352.570	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	27.906.188.132		
	Kinh phí tiền lương và các khoản trích nộp theo lương (Kinh phí chênh lệch lương biên chế trống giao đầu năm)	104.410.080	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập (nhóm 4) thuộc lĩnh vực giáo dục	7.476.000.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	391.553.437	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
6	**Phòng Nội vụ**	**416.017.340**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	156.017.340	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã năm 2023 (vòng 2) và tuyển dụng công chức cấp xã năm 2024	95.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí tổ chức tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2024	75.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí khen thưởng năm 2024	40.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí khen thưởng năm 2024	50.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
7	**Phòng Kinh tế và Hạ tầng**	**85.697.190**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	85.697.190	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
8	**Phòng Lao động Thương binh và Xã hội**	**253.204.630**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	138.204.630	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương	55.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
	Kinh phí phục vụ Hội thi tuyên truyền viên giỏi về công tác giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông lần thứ IV, năm 2024	30.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
	Kinh phí làm bảng tên Bia ghi danh các anh hung liệt sĩ	30.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
9	**Thanh tra huyện**	**108.555.444**		

	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	108.555.444	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
10	**Phòng Dân tộc**	**71.736.030**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	71.736.030	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
11	**Phòng Văn hóa và Thông tin**	**196.875.100**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	105.875.100	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí tham gia liên hoan trình diễn cồng chiêng và nhạc cụ truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông năm 2024	80.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Tổ chức Lễ công bố và đón nhận Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Lễ cúng thần rừng của người Mạ trên địa bàn huyện Đắk Glong	11.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
12	**Phòng Tư pháp**	**72.949.850**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	64.949.850	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí sửa chữa máy photocoppy phục vụ chuyên môn	8.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
13	**Phòng Y tế**	**24.389.910**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	24.389.910	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
III	**Đơn vị sự nghiệp khối huyện**	**891.321.402**		
1	**Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông**	**502.395.042**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	236.235.042	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	*153.609.048*		
	Sự nghiệp văn hóa	*66.733.794*		
	Sự nghiệp thể thao	*15.892.200*		
	Kinh phí tổ chức đêm công diễn Liên hoan Nghệ thuật quần chúng tỉnh Đắk Nông lần thứ IX năm 2024 tại huyện Đắk Glong	43.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí tham gia Liên hoan Nghệ thuật quần chúng tỉnh Đắk Nông lần thứ IX năm 2024	73.160.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí sửa chữa các cụm Pa nô tuyên truyền trên địa bàn xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong	55.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí trang trí phục vụ Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025	95.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
2	**Trung tâm Chính trị huyện**	**129.460.032**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	84.819.032	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Phụ cấp chi ủy viên năm 2024	9.641.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí tiền lương và các khoản đóng góp theo lương	35.000.000	Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024	
3	**Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp**	**161.787.294**		

	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	161.787.294	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
4	**Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên**	**97.679.034**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	97.679.034	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
IV	**Các đơn vị hỗ trợ**	**44.600.598.225**		
1	**Bảo hiểm Xã hội huyện Đắk Glong**	**44.600.598.225**		
	Kinh phí bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng NSNN đóng, hỗ trợ đóng quý III năm 2024	23.168.876.000	Nguồn kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng	
	Kinh phí bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng NSNN đóng, hỗ trợ đóng quý IV năm 2024; Kinh phí mua Bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2024	21.431.722.225	Nguồn kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng số tiền: 12.058.722.225; Nguồn UBND tỉnh bổ sung tại QĐ 1430 số tiền: 7.864.000.000 đồng; Nguồn thu hồi dự toán số tiền: 1.509.000.000	
V	**Khối xã**	**1.757.836.248**		
1	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Khê**	**283.527.000**		
	Kinh phí Trợ cấp ban đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (Nguyễn Thị Hồng Diễm, công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường; Lê Vinh Tài, công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường; Trần Thị Trà Giang, công chức Văn hóa - xã hội ; H' Hiền, công chức Văn phòng - thống kê xã Quảng Khê)	72.000.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	211.527.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
2	**Ủy ban nhân dân xã Đắk Ha**	**243.777.000**		
	Kinh phí Trợ cấp ban đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP Nguyễn Thế Lượng, công chức văn hóa - xã hội; Châu Thị Khánh Linh, công chức tư pháp - hộ tịch xã Đắk Ha)	36.000.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí rà soát, thu thập hồ sơ minh chứng xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024	60.000.000	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	147.777.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
3	**Ủy ban nhân dân xã Đắk Som**	**203.200.200**		
	Kinh phí Trợ cấp ban đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (Trần Thị Thanh - Công chức Văn hóa - Xã hội xã Đắk Som)	18.000.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	

	Kinh phí trợ cấp thôi việc cho cán bộ, công chức (Trần Văn Đáp, nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Đắk Som)	40.993.200	Nguồn chi khác ngân sách	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	144.207.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
4	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn**	**268.218.000**		
	Kinh phí Trợ cấp ban đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (Trần Trung Thành - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Quảng Sơn)	18.000.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	250.218.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
5	**Ủy ban nhân dân xã Đắk Plao**	**134.079.000**		
	Kinh phí Trợ cấp ban đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (Lê Minh Mẫn, Công chức Địa chính nông nghiệp - xây dựng và môi trường xã Đắk Plao)	18.000.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (Phùng Thị Nhung - nguyên là công chức Văn phòng - thống kê xã Đắk Plao)	35.964.000		
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	80.115.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
6	**Ủy ban nhân dân xã Đắk R' Măng**	**234.483.318**		
	Kinh phí Trợ cấp ban đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (H' Ngần, công chức văn hóa - xã hội; Phạm Quang Minh, công chức Địa chính nông nghiệp - xây dựng và môi trường; Sầm Văn Lềnh, chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã Đắk R' Măng)	54.000.000	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	61.905.318	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	118.578.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
7	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Hòa**	**390.551.730**		
	Kinh phí thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	207.563.730	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương	
	Kinh phí hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại để khôi phục sản xuất do bệnh dịch tả lợn Châu phi gây ra năm 2024 trên địa bàn huyện Đắk Glong	64.410.000	Nguồn UBND tỉnh bổ sung năm 2023 chuyển nguồn qua 2024	

	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	118.578.000	Nguồn kinh phí UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	
	Tổng cộng	**91.076.952.171**		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ***(Chín mươi mốt tỷ, không trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi mốt đồng)***

Nguồn kinh phí sử dụng: **91.076.952.171** ***đồng.***

- Nguồn chi khác ngân sách huyện năm 2024 1.358.299.000 *đồng.*
- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương năm 2024 325.620.000 *đồng.*
- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương được chuyển nguồn sang năm 2024 sử dụng tiếp 32.345.669.346 *đồng.*
- Nguồn kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng 35.227.598.225 *đồng.*
- Nguồn thu hồi dự toán chi NSNN năm 2024 1.944.355.600 *đồng.*
- Nguồn UBND tỉnh bổ sung năm 2024: 19.875.410.000 *đồng.*

+ Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông được chuyển nguồn sang năm 2024 sử dụng tiếp: *64.410.000 đồng.*

+ Quyết định số 219/QĐ-UBND, ngày 04/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông *1.800.000.000 đồng.*

+ Quyết định số 1430/QĐ-UBND, ngày 25/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông *18.011.000.000 đồng.*

PHỤ LỤC 03

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày /12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Glong)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
1	**Huyện ủy Đắk Glong**	**95.000.000**	
	Kinh phí chi đặc biệt Thường trực	95.000.000	Quyết định số 3024/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024
2	**Phòng Y tế huyện**	**200.000.000**	
	Kinh phí khám tuyển nghĩa vụ quân sự và thực hiện nghĩa vụ Công an nhân dân năm 2025	200.000.000	Quyết định số 3007/QĐ-UBND, ngày 28/11/2024
3	**Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đắk Glong**	**108.600.000**	
	Hỗ trợ kinh phí thanh toán chế độ cho quân số tham gia trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Hội nghị Trung ương 9, khóa XIII và Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV năm 2024	68.600.000	Quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
	Kinh phí chi thanh toán chế độ cho quân số tham gia trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ kỷ niệm 79 năm ngày Cách mạng tháng tám và Quốc khánh 02/9/2024	40.000.000	Quyết định số 2797/QĐ-UBND, ngày 29/10/2024
4	**Trung tâm Y tế huyện**	**138.540.000**	
	Hỗ trợ kinh phí phụ hóa chất diệt muỗi phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2024	138.540.000	Quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
5	**Công an huyện Đắk Glong**	**714.330.000**	
	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2024	69.330.000	Quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Lễ ra mắt lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	40.000.000	
	Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn huyện Đắk Glong	340.000.000	
	Kinh phí chi ngân sách Nhà nước năm 2024 cho Công an huyện để chi kinh phí tổ chức Hội nghị gặp mặt người chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương tái hòa nhập cộng đồng	35.000.000	Quyết định số 2781/QĐ-UBND, ngày 24/10/2024
	Kinh phí tổ chức Hội nghị truyền thông phòng, chống mua bán người trên địa bàn huyện Đắk Glong	50.000.000	Quyết định số 2797/QĐ-UBND, ngày 29/10/2024
	Hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác cấp căn cước, giấy chứng nhận căn cước cho công dân trên địa bàn huyện	90.000.000	Quyết định số 3024/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024
	Hỗ trợ kinh phí tập huấn cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn huyện Đắk Glong	40.000.000	
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo công tác bảo vệ bí mật nhà nước huyện năm 2024	20.000.000	Quyết định số 3008/QĐ-UBND, ngày 28/11/2024
	Kinh phí hoạt động của Bộ phận An toàn, An ninh mạng huyện năm 2024	30.000.000	
6	**Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp**	**149.552.000**	
	Kinh phí tiêm phòng vắc xin dại chó, mèo và phí xét nghiệm mẫu bệnh phẩm năm 2024	47.812.000	Quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
	Kinh phí tiêm phòng vắc xin lở mồm long móng trên trâu, bò năm 2024	27.290.000	
	Kinh phí tiêm phòng vắc xin viêm da nổi cục trên trâu, bò năm 2024	34.850.000	

	Kinh phí triển khai tháng tổng vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường đợt 2 năm 2024	39.600.000	Quyết định số 3024/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024
7	**Hạt Kiểm lâm huyện**	**243.800.000**	
	Kinh phi hoạt động của đoàn kiểm tra, thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng quý 1 và quý 2 năm 2024	64.800.000	Quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
	Kinh phí in bản đồ diễn biến rừng năm 2023	15.000.000	
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động Chốt liên ngành quản lý bảo vệ rừng (Chốt Quảng Hòa)	50.000.000	
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động Chốt liên ngành quản lý bảo vệ rừng (Chốt Đắk Plao)	50.000.000	
	Kinh phi hoạt động của đoàn kiểm tra, thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng quý 3 và quý 4 năm 2024	64.000.000	Quyết định số 3024/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024
8	**Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong**	**10.000.000**	
	Kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự huyện Đắk Glong năm 2024	10.000.000	Quyết định số 3008/QĐ-UBND, ngày 28/11/2024
9	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn**	**116.994.000**	
	Kinh phí cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với diện tích 35,41ha xã Quảng Sơn đợt 2 năm 2024	90.000.000	Quyết định số 2958/QĐ-UBND, ngày 15/11/2024
	Kinh phí thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai đối với trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính	26.994.000	Quyết định số 3024/QĐ-UBND, ngày 02/12/2024
10	**UBND xã Quảng Hòa**	**100.000.000**	
	Kinh phí sửa chữa đường giao thông nội đồng thôn 6 đi thôn 7, xã Quảng Hòa	100.000.000	Quyết định số 2324/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
11	**Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã**	**2.450.000.000**	
	Kinh phí đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia	2.450.000.000	Quyết định số 2848/QĐ-UBND, ngày 07/11/2024
	Tổng cộng	**4.326.816.000**	

Tổng số tiền ghi bằng chữ: (Bốn tỷ, ba trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng)

PHỤ LỤC 06

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NSNN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày /12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Glong)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị	Số tiền		Nguồn	Ghi chú
		Tăng	Giảm		
1	**Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện**		**1.000.000.000**		
	Kinh phí mua sắm thiết bị, phần mềm và xây dựng kho lưu trữ dữ liệu phục vujb chuyển đổi số trong lĩnh vực đất đai năm 2024		1.000.000.000	Nguồn kinh phí giao đầu năm	Quyết định số 2323/QĐ-UBND, ngày 30/8/2024
2	**Phòng Văn hóa và Thông tin**	**1.000.000.000**			
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị nhằm đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số và cải cách hành chính	1.000.000.000		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
3	**Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện**		**10.108.800**		
	Kinh phí tiền lương, các khoản trích nộp theo lương năm 2024		10.108.800	Nguồn kinh phí giao đầu năm	Quyết định số 2353/QĐ-UBND, ngày 06/9/2024
4	**Hội Cựu chiến binh huyện**	**10.108.800**			
	Kinh phí tiền lương, các khoản trích nộp theo lương năm 2024	10.108.800	-	Nguồn kinh phí giao đầu năm	
5	**Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**		**612.582.700**		
	Kinh phí tiền tết Nguyên đán cho các đối tượng		612.582.700	Nguồn kinh phí giao đầu năm	Quyết định số 2565/QĐ-UBND, ngày 26/9/2024
6	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Khê**	**80.000.000**			
	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	12.000.000		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	68.000.000			
7	**Ủy ban nhân dân xã Đắk Plao**	**59.810.500**			
	Kinh phí tiền tết cho hộ nghèo	22.810.500		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	5.000.000			
	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	32.000.000			
8	**Ủy ban nhân dân xã Đắk Som**	**219.219.000**			
	Kinh phí tiền tết cho hộ nghèo	149.431.000		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho đối tượng bảo trợ xã hội	3.288.000			
	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	9.000.000			
	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	57.500.000			
9	**Ủy ban nhân dân xã Đắk Ha**	**52.254.000**			
	Kinh phí tiền tết cho đối tượng bảo trợ xã hội	5.754.000			

	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	6.500.000		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	40.000.000			
10	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn**	**93.000.000**			
	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	11.000.000		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	82.000.000			
11	**Ủy ban nhân dân xã Đắk R' Măng**	**43.500.000**			
	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	2.000.000		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	41.500.000			
12	**Ủy ban nhân dân xã Quảng Hòa**	**64.799.200**			
	Kinh phí tiền tết cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.299.200		Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Kinh phí tiền tết cho chi hội trưởng, chi hội phó Hội Người cao tuổi	7.000.000			
	Kinh phí tiền tết cho những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, bon	56.500.000			
13	**Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đắk Glong**	**-**	**16.201.000**		
	Kinh phí tiền lương, các khoản trích nộp theo lương và chi thường xuyên cho cán bộ, viên chức		16.201.000	Nguồn kinh phí giao đầu năm	Quyết định số 2953/QĐ-UBND, ngày 14/11/2024
14	**Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện Đắk Glong**		**16.315.000**		
	Kinh phí tiền lương, các khoản trích nộp theo lương và chi thường xuyên cho cán bộ, viên chức		16.315.000	Nguồn kinh phí giao đầu năm	
15	**Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện (Sự nghiệp giáo dục)**	**32.516.000**			
	Kinh phí tiền lương, các khoản trích nộp theo lương và chi thường xuyên cho cán bộ, viên chức	32.516.000	-	Nguồn kinh phí giao đầu năm	
	Tổng cộng	**1.655.207.500**	**1.655.207.500**		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ***(Một tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm đồng)***

Nguồn kinh phí sử dụng: **1.655.207.500** ***đồng.***

- Nguồn Kinh phí giao đầu năm tại Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện 1.655.207.500 *đồng.*